

**THÔNG TƯ số 28/2004/TT-BTC**  
**ngày 31/3/2004 hướng dẫn thực**  
**hiện việc giảm thuế nhập khẩu**  
**hàng hóa có xuất xứ từ Lào.**

*Căn cứ Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 16 tháng 01 năm 2004, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc giảm thuế nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Lào như sau:*

**A. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Hàng hóa sản xuất tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào do các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam nhập khẩu vào Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi (trừ hàng hóa cấm nhập khẩu vào Việt Nam và hàng hóa nằm trong danh mục loại trừ hoàn toàn của Việt Nam thực hiện CEPT/AFTA), nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do cơ quan có thẩm quyền của Lào cấp. Việc quy định cụ thể về Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do Bộ Thương mại Lào và Việt Nam cùng trao

đổi thống nhất áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ mỗi nước.

2. Hàng hóa được nhập khẩu theo hợp đồng mua bán hàng hóa vào Việt Nam qua các cửa khẩu được mở chính thức trên biên giới Việt Nam - Lào.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có đủ điều kiện để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, đồng thời có đủ điều kiện được hưởng theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT thì được áp dụng theo mức thuế suất thấp hơn trong hai mức thuế suất này.

**B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

I. Giá tính thuế nhập khẩu để áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam là giá mua hàng hóa nhập khẩu dựa trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hóa (viết tắt là giá mua hàng hóa nhập khẩu) theo hướng dẫn dưới đây:

**1. Xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu:**

1.1. Cơ sở xác định:

Giá mua hàng hóa nhập khẩu được xác định dựa trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hóa phù hợp với các chứng từ hợp

pháp, hợp lệ có liên quan đến việc mua bán hàng hóa. Giá mua hàng hóa nhập khẩu bao gồm cả phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F).

1.2. Giá mua hàng hóa nhập khẩu được xác định theo giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa phải cộng và được trừ các khoản điều chỉnh theo hướng dẫn sau đây:

1.2.1. Các khoản phải cộng vào giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu:

1.2.1.1. Trường hợp trong giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa chưa bao gồm chi phí vận tải (F) và phí bảo hiểm (I) thì phải cộng chi phí vận tải và phí bảo hiểm vào giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu. Nếu không có các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để xác định chi phí vận tải và phí bảo hiểm thì chi phí vận tải được tính bằng 15% giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa và phí bảo hiểm được tính bằng 0,3% của (giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa + chi phí vận tải) để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu.

Trường hợp đối tượng nhập khẩu tự vận chuyển hàng hóa thì đối tượng nhập khẩu phải có bảng kê khai chi tiết về chi phí vận tải. Nếu chi phí vận tải liên quan đến nhiều loại hàng hóa khác nhau thì đối tượng nhập khẩu phải phân bổ chi phí vận tải trên cơ sở đơn giá vận tải

từng loại hàng hóa hoặc theo thể tích, trọng lượng của từng loại hàng hóa hoặc theo trị giá của từng loại hàng hóa trong lô hàng hóa nhập khẩu.

1.2.1.2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có bao gồm hàng hóa bảo hành theo hợp đồng mua bán hàng hóa (kể cả trường hợp hàng hóa gửi sau) nhưng giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa không tính thanh toán riêng đối với số hàng hóa bảo hành thì giá mua hàng hóa nhập khẩu là giá bao gồm cả trị giá hàng hóa bảo hành.

1.2.2. Các khoản được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu:

1.2.2.1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được thanh toán theo phương thức trả tiền chậm thì khoản lãi suất trả chậm được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau:

1.2.2.1.1. Khoản lãi suất trả chậm này được thể hiện tại hợp đồng mua bán hàng hóa;

1.2.2.1.2. Khoản lãi suất trả chậm chỉ liên quan đến chính lô hàng hóa nhập khẩu đang xác định giá, không liên quan tới các lô hàng hóa khác.

1.2.2.2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được bán giảm giá thì khoản giảm giá được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp

đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau:

1.2.2.2.1. Việc thỏa thuận giảm giá phải được thực hiện trước khi xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển ở Lào, được lập thành văn bản và nộp cùng với tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

1.2.2.2.2. Việc giảm giá được thực hiện cho chính lô hàng hóa nhập khẩu đang xác định giá, không liên quan tới các lô hàng hóa khác.

1.2.2.3. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam cung cấp dịch vụ bảo hiểm và vận tải hàng hóa thì khoản thuế giá trị gia tăng đối với các khoản phí bảo hiểm (I) và chi phí vận tải (F) được trừ ra khỏi giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa để xác định giá mua hàng hóa nhập khẩu.

**2. Giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là giá mua hàng hóa nhập khẩu, nếu có đủ các điều kiện sau đây:**

2.1. Điều kiện (1): Hàng hóa nhập khẩu phải theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

Hợp đồng mua bán hàng hóa phải có đầy đủ nội dung chủ yếu của một bản hợp đồng theo quy định tại Luật Thương mại.

Các hình thức điện báo, telex, fax, thư điện tử và các hình thức thông tin điện tử khác được in ra giấy cũng được coi là

hình thức văn bản. Chào hàng và chấp nhận chào hàng bằng các hình thức văn bản có hiệu lực như một hợp đồng mua bán hàng hóa nếu có đầy đủ nội dung chủ yếu của một bản hợp đồng theo quy định tại Luật Thương mại thì cũng được coi như hợp đồng mua bán hàng hóa.

Trường hợp có sự sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết thì phải được kết thúc trước khi xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển ở Lào và nộp cùng với tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

2.2. Điều kiện (2): Thực hiện thanh toán toàn bộ trị giá lô hàng hóa nhập khẩu qua ngân hàng bằng một loại đồng tiền được hai bên thỏa thuận.

Trường hợp đã thực hiện thanh toán toàn bộ trị giá lô hàng hóa nhập khẩu qua ngân hàng trước khi đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu thì chứng từ thanh toán cho lô hàng hóa phải được nộp cùng với tờ khai khi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa để chứng minh với cơ quan hải quan là người mua đã thực thanh toán toàn bộ trị giá lô hàng hóa nhập khẩu qua ngân hàng.

Trường hợp thanh toán được thực hiện sau khi đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu thì trên hợp đồng mua bán hàng hóa phải thể hiện rõ thời hạn thanh toán và người mua phải cam kết với cơ quan hải quan khi thanh toán sẽ nộp bổ sung chứng từ thanh toán để chứng minh với

cơ quan hải quan là đã thực thanh toán toàn bộ trị giá lô hàng hóa nhập khẩu qua ngân hàng. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa. Nếu quá thời hạn mà người mua đã cam kết với cơ quan hải quan nhưng vẫn không nộp bổ sung chứng từ thanh toán để chứng minh là đã thực thanh toán toàn bộ trị giá lô hàng hóa nhập khẩu qua ngân hàng thì hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp này được coi là không thỏa mãn điều kiện 2 nêu tại điểm 2.2 này.

**2.3. Điều kiện (3):** Đối tượng nhập khẩu thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Khi làm thủ tục nhập khẩu, đối tượng nhập khẩu phải nộp (một lần) cho cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) Bản sao Bản đăng ký áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế đã có ý kiến chấp nhận của cơ quan thuế nơi đối tượng đăng ký nộp thuế (Bản sao có đóng dấu sao y bản chính của đối tượng nhập khẩu).

**3.** Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế thì giá tính thuế là giá được quy định tại Bảng giá tối thiểu. Trường hợp giá mua hàng hóa nhập khẩu cao hơn giá quy định tại Bảng giá tối thiểu thì tính theo giá mua hàng hóa nhập khẩu.

**4.** Trường hợp hàng hóa nhập khẩu

không thuộc Danh mục các mặt hàng Nhà nước quản lý giá tính thuế và không đủ điều kiện áp dụng giá tính thuế là giá mua hàng hóa nhập khẩu theo hướng dẫn tại điểm 2 trên đây thì Cục Hải quan địa phương nơi doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa sẽ căn cứ vào các phương pháp xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu theo nguyên tắc của Hiệp định thực hiện Điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại quy định tại Nghị định số 60/2002/NĐ-CP ngày 06/6/2002 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 118/2003/TT-BTC ngày 08/12/2003 của Bộ Tài chính để xác định giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Lào.

## *II. ĐỒNG TIỀN VÀ TỶ GIÁ ĐỂ XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ*

**1.** Giá tính thuế được tính bằng Đồng Việt Nam.

**2.** Tỷ giá dùng để xác định giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày người khai hải quan đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Trong trường hợp ngân hàng không công bố tỷ giá hoặc thông tin không đến được cửa khẩu trong ngày thì áp dụng theo tỷ giá của ngày liền kề trước đó.

Đối với các đồng ngoại tệ không có giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng thì xác định theo nguyên tắc tỷ giá tính chéo giữa tỷ giá đồng Đô la Mỹ (USD) với Đồng Việt Nam mua, bán thực tế bình quân trên thị trường liên ngân hàng và tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ với các ngoại tệ khác trên thị trường quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

### **III. THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU**

Thời điểm xác định giá tính thuế và thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu là ngày người khai hải quan đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

### **IV. THỦ TỤC XUẤT TRÌNH, KIỂM TRA GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA (C/O)**

Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa của Lào muốn được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi phải nộp cho cơ quan hải quan bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) kèm theo bộ chứng từ nhập khẩu theo quy định khi làm thủ tục nhập khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp chưa có C/O

để nộp khi làm thủ tục nhập khẩu, khi tính thuế, cơ quan hải quan tạm áp dụng theo mức thuế suất thông thường hoặc theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT (nếu đủ điều kiện) và chấp nhận cho nợ C/O, thời hạn tối đa 30 ngày tính từ ngày nộp tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Sau khi nộp C/O, doanh nghiệp sẽ được xem xét hoàn trả lại số thuế đã nộp thừa (nếu có) (là phần chênh lệch giữa số thuế tính theo mức thuế suất thông thường hoặc theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT đã nộp và số thuế tính theo thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi).

Doanh nghiệp nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của C/O đã nộp. Nếu phát hiện có sự gian lận về C/O thì doanh nghiệp nhập khẩu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khi có sự nghi ngờ về tính trung thực và chính xác của C/O thì cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các tài liệu để chứng minh. Thời gian quy định tối đa để doanh nghiệp nộp bổ sung chứng từ là 30 ngày kể từ ngày nộp C/O. Trong khi chờ kết quả kiểm tra lại, tạm thời chưa giải quyết việc áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với lô hàng hóa đó và áp dụng theo mức thuế suất thông thường hoặc theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT (nếu đủ

điều kiện). Đồng thời tiếp tục thực hiện các thủ tục giải phóng hàng nếu các hàng hóa này không phải là hàng hóa cấm hoặc hạn chế nhập khẩu và không có sự nghi ngờ man khai về hàng hóa. Trường hợp chủ hàng hóa có đủ tài liệu chứng minh tính trung thực và chính xác của C/O thì được xem xét hoàn trả lại số thuế đã nộp thừa (nếu có) (là phần chênh lệch giữa số thuế tính theo mức thuế suất thông thường hoặc theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT đã nộp và số thuế tính theo thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi).

V. Các quy định khác về căn cứ tính thuế, đăng ký kê khai nộp thuế, chế độ thu nộp thuế và chế độ báo cáo thuế, chế độ miễn giảm thuế, chế độ hoàn thuế, truy thu thuế, xử lý vi phạm và khiếu nại, được thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng cho các tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày

16/01/2004 trở đi (ngày Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2004 có hiệu lực thi hành). Những quy định tại các văn bản pháp quy trước đây trái với các hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Các trường hợp nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Lào có tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2004 trở đi (được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi và giá tính thuế để áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này), nếu đã nộp thuế theo mức thuế suất thông thường hoặc theo mức thuế suất ưu đãi đặc biệt CEPT (nếu đủ điều kiện) thì thuộc đối tượng hoàn trả lại số thuế đã nộp thừa (nếu có). Số thuế đã nộp thừa được hoàn trả lại là số thuế chênh lệch giữa số thuế doanh nghiệp đã nộp với số thuế nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bằng 50% mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi và giá tính thuế để áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này. Các doanh nghiệp liên hệ với Cục Hải quan địa phương nơi doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để làm thủ tục hoàn thuế. Hồ sơ xin hoàn thuế gồm:

+ Công văn đề nghị xin được hoàn trả lại số thuế đã nộp thừa.

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đã thanh khoản hải quan.

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa và các chứng từ hợp pháp, hợp lệ có liên quan đến việc mua bán hàng hóa.

+ Các tài liệu chứng minh tính trung thực và chính xác của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

## **BỘ THỦY SẢN**

**CHỈ THỊ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 02/2004/CT-BTS ngày 29/3/2004 về công tác phòng, chống lụt, bão giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá.**

*Những năm vừa qua do ảnh hưởng của sự biến động khí hậu toàn cầu, thời tiết nước ta có nhiều diễn biến phức tạp; bão, lũ, lụt đã xảy ra ở nhiều nơi trên phạm vi*

*cả nước; tai nạn tàu thuyền nghề cá trên biển tuy có giảm nhiều so với những năm trước đây, nhưng ở một số địa phương do việc phòng, chống chưa tốt nhất là đối với các tàu thuyền nhỏ nên tàu vẫn bị chìm khi gặp thiên tai gió mùa đông bắc, lũ, áp thấp nhiệt đới gây nhiều thiệt hại về người và tài sản.*

*Để chủ động phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, đối phó kịp thời với mọi tình huống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra trong năm 2004; Bộ trưởng Bộ Thủy sản Chỉ thị Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản (sau đây gọi chung là các Sở Thủy sản), Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện tốt các việc sau đây:*

**1.** Tổ chức tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai năm 2003 để làm cơ sở xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn năm 2004 có hiệu quả sát với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

**2.** Cùng cố, kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp, đảm bảo thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đơn vị. Tổ chức tập huấn, diễn tập các phương án phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn để nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho nhân dân chủ động đối phó với